

## ÔN TẬP KIỂM TRA 1 TIẾT HÓA 8 LẦN 1 - HKII

**1.** Phân loại và gọi tên các oxit sau :

CuO, SO<sub>3</sub>, P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>, Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>, K<sub>2</sub>O, Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub>, ZnO, BaO, CO<sub>2</sub>, N<sub>2</sub>O<sub>5</sub>, CaO, SO<sub>2</sub>, Fe<sub>3</sub>O<sub>4</sub>, Na<sub>2</sub>O.

**2.** Hoàn thành các PTHH và phân loại phản ứng (Ghi điều kiện phản ứng nếu có)

- $C + O_2 \rightarrow ?$
- $KClO_3 \rightarrow ? + ?$
- $? + ? \rightarrow MgO$
- $CaCO_3 \rightarrow ? + ?$
- $Fe + O_2 \rightarrow ?$
- $KMnO_4 \rightarrow ? + ? + ?$
- $? + ? \rightarrow K_2O$
- $CaCO_3 \rightarrow CaO + ?$
- $P + O_2 \rightarrow ?$
- $? + ? \rightarrow CuO$
- $H_2O \rightarrow ? + ?$

**3.** Nhận biết các khí :

- O<sub>2</sub>, N<sub>2</sub>.
- O<sub>2</sub>, CO<sub>2</sub>.

### **BÀI TOÁN:**

- Đốt cháy 6,2g P trong không khí thu được điphotpho pentaoxit.
  - Viết phương trình hóa học.
  - Tính thể tích khí oxi cần dùng.(đktc)
  - Tính khối lượng Kali pemanganat KMnO<sub>4</sub> cần dùng để có được lượng oxi dùng cho phản ứng trên.
- Trong phòng thí nghiệm, để điều chế 2,32g oxit sắt từ, người ta dùng khí oxi oxi hóa sắt ở nhiệt độ cao.
  - Viết phương trình hóa học.
  - Tính thể tích khí oxi cần dùng.(đktc)
  - Tính khối lượng Kali pemanganat KMnO<sub>4</sub> cần dùng để có được lượng oxi dùng cho phản ứng trên.
- Đun nóng 12,25g Kali clorat KClO<sub>3</sub>.
  - Viết phương trình hóa học.
  - Tính thể tích khí oxi thu được.(đktc)
  - Lấy toàn bộ lượng khí oxi trên oxi hóa sắt thu được oxit sắt từ. Tính khối lượng oxit sắt từ thu được.
- Đun nóng 15,8g Kalipenmanganat KMnO<sub>4</sub>
  - Viết phương trình hóa học.
  - Tính thể tích khí oxi thu được.(đktc)

- c. Lấy toàn bộ lượng khí oxi trên oxi hóa lưu huỳnh. Tính khối lượng sản phẩm tạo thành.